TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU
Bản án số: 103/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2019
V/v: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị B, sinh năm 1985 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn L, sinh năm 1977.

Cư trú tại: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 ông Trương Văn L có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị B trình bày: Bà và ông Trương Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào

năm 1999, đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm cự cãi lẫn nhau và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ 2015 đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Văn L. Trong quá trình chung sống bà và ông Lững có ba người con chung tên Trương Cẩm T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2000; Trương Cẩm T1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2001 và Trương Trọng N, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2006. Đối với Trương Cẩm T và Trương Cẩm T1 đã trưởng thành và có khả năng để lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Trương Trọng N hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Trương Trọng N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2019 bị đơn ông Trương Văn L trình bày: Ông và bà Võ Thị B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi nhau và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Ông đồng ly ly hôn theo yêu cầu của bà B. Về con chung ông đồng ý giao con chung tên Trương Trọng N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện kiểm sát đề nghi Hội đòng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị B, cho bà Võ Thị B ly hôn với ông Trương Văn L. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị B với ông Trương Văn L, giao người con chung tên Trương Trọng N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trương Văn L, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trương Văn L là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trương Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị B và ông Trương Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà Võ Thị B và ông Trương Văn L là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà B giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với ông L vì cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cãi nhau và vợ chồng không còn chung sống từ năm 2015 đến nay. Tại bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2019 ông L cho rằng vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay và ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị B và ông Trương Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị B về việc yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn L.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Võ Thị B và ông Trương Văn L có ba người con chung tên Trương Cẩm T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2000; Trương Cẩm T1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2001 và Trương Trọng N, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2006. Đối với Trương Cẩm T và Trương Cẩm T1 đã trưởng thành và có khả năng để lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đối với Trương Trọng N hiện đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Trương Trọng N. Tại bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2019 ông L đồng ý giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà B và ông L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của người con chung thể hiện tại bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Trương Trọng N nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà B và ông L, giao người con chung tên Trương Trọng N, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2006 cho bà Võ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Võ Thị B và ông Trương Văn L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà B phải chịu 300.000đ, bà B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào các Điều 19; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị B và ông Trương Văn L.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Trương Trọng N, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2006 cho bà Võ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Võ Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019323 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Võ Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trương Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi CụcThi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều